

CHÍNH SÁCH AN NINH NĂNG LƯỢNG TRUNG QUỐC ĐẦU THẾ KỈ XXI VÀ VẤN ĐỀ TRANH CHẤP CHỦ QUYỀN Ở BIỂN ĐÔNG

NGUYỄN MINH MÃN*

TÓM TẮT

Để đảm bảo nguồn cung ứng năng lượng ổn định với giá cả hợp lý, chính phủ Trung Quốc (TQ) đã đề ra chiến lược năng lượng quốc gia và chính sách an ninh năng lượng với các mục đích và biện pháp thực hiện cụ thể nhằm đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia. Đối với các quốc gia láng giềng trong khu vực, trong đó có Việt Nam, chính sách an ninh năng lượng của TQ cũng ít nhiều tác động đến các hoạt động phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng. Do đó, trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi đề cập các nội dung chủ yếu của chính sách an ninh năng lượng của TQ nhằm giúp người đọc hiểu thêm nguyên nhân những hành động của TQ ở khu vực biển Đông.

Từ khóa: năng lượng, an ninh năng lượng, an ninh năng lượng Trung Quốc, biển Đông, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc.

ABSTRACT

China's energy security policies in the early XXI century and sovereignty issues in East Sea

To ensure power supply stability, with reasonable prices, the Chinese government has set national energy strategy and energy security policy with the purpose and implementation of specific measures to ensure energy security for the country. For neighboring countries in the region, including Vietnam, the policy of "energy security" China's less impact on the economic development activities and national security. Thus, within the framework of the article, we refer to the main content of energy security policy of China to help readers understand the causes of Chinese actions in the East Sea.

Keywords: energy, energy security, China's energy security, East Sea, Viet Nam – China relation.

1. Đặt vấn đề

Thực trạng sử dụng các nguồn năng lượng trong nước đã thúc đẩy Chính phủ TQ nhanh chóng hoạch định chính sách an ninh năng lượng và tìm kiếm nguồn cung cấp năng lượng ổn định lâu dài cho quốc gia. Cả thế giới chứng kiến một TQ đang ráo riết tìm kiếm các nguồn năng lượng trên phạm vi toàn cầu: từ khu vực

Trung Đông nóng bỏng đến Trung Á đầy tranh chấp, từ Đông Nam Á năng động đến Châu Phi vừa được chú ý... Sự tất bật trong ngoại giao con thoi của các lãnh đạo TQ trong những năm gần đây là lời giải cho bài toán “năng lượng” cho tương lai.

Quá trình thực hiện chính sách an ninh năng lượng của TQ cũng tác động tích cực đến quan hệ quốc tế những năm gần đây. Việc TQ đẩy mạnh hoạt động

* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

tìm kiếm năng lượng thông qua các hợp đồng kí kết với các quốc gia có trữ lượng dầu mỏ lớn đã làm cho hoạt động kinh tế - thương mại ngày càng trở nên sôi động, thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa và đa dạng hóa của nền kinh tế thế giới. Nhưng bên cạnh đó, khi triển khai chính sách an ninh năng lượng, TQ cũng gặp không ít cản trở, khó khăn và thử thách, tác động tiêu cực đến các quan hệ chính trị, làm căng thẳng tình hình quốc tế, tiêu biểu là tranh chấp giữa TQ và các nước ở khu vực biển Đông trong những năm gần đây.

2. Cơ sở hoạch định chiến lược an ninh năng lượng của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỉ XXI

2.1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc trong 20 năm đầu thế kỉ XXI

Trong 20 năm đầu thế kỉ XXI, TQ đặt ra mục tiêu là “Xây dựng toàn diện xã hội tiêu kháng¹”. Mục tiêu này được Đảng Cộng sản TQ xác định là một giai đoạn phát triển tất yếu của quá trình cải cách, mở cửa, hiện đại hóa, là một nhiệm vụ lịch sử của toàn Đảng, toàn dân TQ trong thế kỉ đầu của thiên niên kỉ thứ 3.

Mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội tiêu kháng được đề xuất trong Đại hội lần thứ 16, Đảng Cộng sản TQ diễn ra từ ngày 8 đến ngày 14-11-2002 với mục tiêu như sau:

Trong 20 năm đầu thế kỉ này, tập trung toàn bộ lực lượng, xây dựng xã hội tiêu kháng nhằm nâng cao mức sống cho hơn 1 tỉ người, làm cho kinh tế không ngừng phát triển, dân chủ được kiện toàn, giáo dục ngày càng tiến bộ, văn hóa ngày càng phồn vinh, xã hội ngày càng phát

triển hài hòa, đời sống nhân dân ngày càng sung túc [9, tr.192].

Như vậy, trong những năm đầu thế kỉ XXI, Đảng, Nhà nước và Chính phủ TQ quyết tâm xây dựng thành công xã hội tiêu kháng toàn diện, đây được xem là thời kì quá độ cơ bản để TQ trở thành một nước công nghiệp hóa vào những năm tiếp theo.

2.2. Quá trình hình thành chính sách an ninh năng lượng của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỉ XXI

Năm 2002, Chính phủ TQ đã đề ra “Chiến lược năng lượng tổng hợp” bao gồm 7 điểm sau đây:

- Phát triển nguồn cung ứng dầu lửa và khí đốt quốc gia;
- Phát triển thị trường dầu lửa và khí đốt nội địa;
- Đa dạng hóa các nguồn năng lượng;
- Đa dạng hóa các nguồn cung ứng nhập khẩu năng lượng;
- Bảo vệ môi trường;
- Tăng cường đầu tư để bảo tồn năng lượng;
- Tăng hiệu suất sử dụng các nguồn năng lượng.

Năm 2003, Chính phủ TQ ban hành văn kiện “Chiến lược dầu lửa thế kỉ XXI” với trọng tâm là đầu tư 100 tỉ USD để phát triển hệ thống dầu lửa chiến lược của TQ trong tương lai. Đây là một điểm nhấn quan trọng trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 10 (2001-2005) thể hiện quyết tâm của Chính phủ TQ đối với lĩnh vực an ninh năng lượng [8, tr.302]. Văn kiện này được xem là sự cụ thể hóa cho Báo cáo chiến lược năng lượng quốc gia do Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia

(NDRC) soạn thảo.

Năm 2004 đánh dấu bước chuyển mình của chính sách năng lượng TQ, đó là để giải quyết vấn đề thiếu hụt năng lượng, TQ đã thả nổi giá điện để các thành phần kinh tế tự điều chỉnh nhu cầu sử dụng và tiết kiệm để giảm chi phí. Cũng trong năm này, cơ quan phụ trách vấn đề dự trữ dầu lửa trực thuộc Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia (NDRC) đã được thành lập với nhiệm vụ xây dựng 4 kho dự trữ dầu chiến lược: Trấn Hải, Đại Liên, Đại Sơn và Hoàng Đảo với trị giá 6 tỉ NDT. Chính phủ TQ còn yêu cầu Bộ Tài nguyên và Môi trường TQ nghiên cứu đánh giá lại trữ lượng dầu lửa và khí đốt để làm cơ sở hoạch định chiến lược năng lượng 20 năm đầu thế kỉ XXI.

Ngày 30-03-2004, Chính phủ TQ đã thông qua “Chương trình phát triển năng lượng trung và dài hạn của TQ từ năm 2004 đến năm 2020”. Đây là cột mốc quan trọng trong việc hoạch định chính sách năng lượng của nước này. Chương trình bao gồm 7 nội dung:

- Ưu tiên bảo tồn năng lượng, triển khai toàn diện và nghiêm túc các hệ thống bảo tồn năng lượng để cải thiện hiệu suất sử dụng;
- Điều chỉnh cơ cấu năng lượng quốc gia;
- Phân bổ các dự án năng lượng theo từng khu vực kinh tế khác nhau;
- Khai thác các nguồn lực trong nước và ngoài nước;
- Áp dụng tiến bộ và phát minh khoa học công nghệ;
- Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ môi trường;

- Thực hiện phát triển các nguồn năng lượng mới.

Ngày 2-6-2005, Hội nghị lần thứ nhất Ban chỉ đạo công tác năng lượng Quốc gia do Thủ tướng Ôn Gia Bảo chủ trì diễn ra tại thủ đô Bắc Kinh. Ban chỉ đạo này do đích thân Thủ tướng Ôn Gia Bảo làm trưởng ban, hai Phó thủ tướng Hoàng Cúc và Tăng Bồi Viêm làm phó trưởng ban. Thành viên của Ban chỉ đạo là Bộ trưởng và người đứng đầu 13 cơ quan trung ương phụ trách các vấn đề liên quan đến lĩnh vực năng lượng. Trong Hội nghị này, TQ đã đưa ra 6 chiến lược ưu tiên trong việc đảm bảo an ninh năng lượng những năm đầu thế kỉ XXI:

- Tăng cường nghiên cứu chiến lược năng lượng, hoàn thiện quy hoạch tổng thể trung và dài hạn năng lượng; điều chỉnh cơ cấu năng lượng quốc gia;
- Thúc đẩy năng lượng phát triển lành mạnh và có kế hoạch;
- Tăng cường khai thác và sử dụng hợp lí than đá;
- Đẩy mạnh xây dựng các công trình sản xuất điện và mạng lưới cung cấp điện;
- Đẩy mạnh thăm dò khai thác dầu khí và khí thiên nhiên;
- Phát triển các nguồn năng lượng mới có khả năng tái sinh.

Năm 2006, TQ bước vào Kế hoạch 5 năm lần thứ 11 với mục tiêu đưa GDP tăng 20% vào năm 2010 so với năm 2005, vấn đề an ninh năng lượng được nâng lên một bước cao hơn. Trong kiến nghị của Ban Chấp hành TW Đảng Cộng sản TQ về chính sách năng lượng tại Hội nghị lần thứ 5 khóa XVI, thông qua ngày 11-10-2006 với nội dung như sau:

Ngành năng lượng phải tăng cường chính sách theo phương hướng tiết kiệm và hiệu quả, kiên trì ưu tiên tiết kiệm năng lượng, xuất phát từ trong nước, lấy gas làm cơ sở, phát triển đa nguyên, xây dựng hệ thống cung ứng năng lượng ổn định, kinh tế, vệ sinh. Xây dựng các cơ sở cung cấp gas, than loại hình lớn, điều chỉnh cải tạo các mỏ gas nhỏ và vừa, phát triển và lợi dụng khí gas, khuyến khích liên kết gas điện. Đẩy mạnh phát triển điện dùng gas với các tổ máy hiệu quả cao, phát triển thủy điện một cách có trật tự trên cơ sở bảo vệ môi trường sinh thái, tích cực phát triển điện hạt nhân, tăng cường xây dựng mạng lưới điện, mở rộng quy mô đưa điện từ miền Tây sang miền Đông. Tăng cường thăm dò và khai thác dầu khí, khí thiên nhiên trong nước, mở rộng phát triển hợp tác với bên ngoài, tăng cường năng lực dự trữ chiến lược dầu khí, triển khai ổn định các sản phẩm thay thế dầu khí. Đẩy mạnh phát triển năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh học và các nguồn năng lượng tái sinh khác [6].

Như vậy, từ kiến nghị này, có thể nhận thấy đảm bảo an ninh năng lượng trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 11 (2006 – 2010) là sự tiếp tục của chính sách an ninh năng lượng đã được đề xuất và thực hiện trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 10 (2001-2005).

Nhìn chung, bước vào những năm đầu thế kỉ XXI, trước tình hình năng lượng thế giới diễn biến phức tạp, TQ lại cần nhiều nguồn năng lượng để phát triển kinh tế, Chính phủ TQ đã nhanh chóng đề ra các chính sách liên quan đến vấn đề

năng lượng. Chiến lược năng lượng của TQ trong những năm đầu thế kỉ XXI thể hiện ở hai khía cạnh: chính sách năng lượng đối nội (cơ cấu, phân bố, tiêu dùng, phát triển các nguồn năng lượng mới, chính sách bảo vệ môi trường...) và chính sách năng lượng đối ngoại (đa dạng hóa nguồn cung, đảm bảo nguồn cung ổn định, giá cả, hợp tác trên lĩnh vực an ninh năng lượng với các nước, an toàn của các tuyến vận chuyển năng lượng...). Ở chiến lược thứ nhất, TQ thực hiện mục tiêu cơ cấu, phân bố và sử dụng các nguồn năng lượng một cách hiệu quả nhất. Ở chiến lược thứ hai TQ thực hiện mục tiêu đảm bảo nguồn cung cấp năng lượng từ bên ngoài ổn định và bền vững. Hai chiến lược này vừa mang tính độc lập vừa tương hỗ nhau nhằm đạt mục tiêu giúp TQ duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế và nâng cao vị thế về mặt chính trị trên quy mô toàn cầu.

3. Những biện pháp đảm bảo an ninh năng lượng của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỉ XXI

3.1. Biện pháp tiến hành trong nước

3.1.1. Thực hiện tiết kiệm và sử dụng các nguồn năng lượng hiệu quả

Để tránh lệ thuộc nguồn năng lượng nhập khẩu, biện pháp đầu tiên mà TQ tiến hành là thực hành tiết kiệm năng lượng – đặc biệt là tiết kiệm sử dụng dầu khí. Chính phủ TQ lấy tiết kiệm năng lượng là quốc sách cơ bản để giải quyết vấn đề an ninh năng lượng ở tầm vĩ mô, là chỗ dựa cho việc chuyển đổi phương thức phát triển, ưu hóa kết cấu. Trong công tác thúc đẩy tiết kiệm năng lượng, TQ thực hiện “sáu điểm dựa” chủ yếu:

Dựa vào điều chỉnh kết cấu, đây là cách thức cơ bản cho việc tiết kiệm năng lượng; dựa vào tiến bộ kỹ thuật, đây là khâu trọng yếu cho tiết kiệm năng lượng; dựa vào tăng cường quản lý, đây là biện pháp quan trọng cho tiết kiệm năng lượng; dựa vào việc tăng cường pháp chế, đây là đảm bảo quan trọng cho tiết kiệm năng lượng; dựa vào cải cách chiều sâu, đây là động lực cho việc tiết kiệm năng lượng; dựa vào sự tham gia của toàn dân, đây là cơ sở xã hội cho việc tiết kiệm năng lượng [7, tr.9].

3.1.2. Nghiên cứu phát triển các nguồn năng lượng mới

Với việc sử dụng nhiều than đá gây tác hại đến môi trường và giá dầu bất ổn như hiện nay tác động xấu đến nền kinh tế, Chính phủ TQ đẩy mạnh việc nghiên cứu và đưa vào sử dụng các nguồn năng lượng mới thay thế thân thiện với môi trường.

Ở khu vực nông thôn, TQ có khoảng 750 triệu cư dân sinh sống, nên việc khuyến khích sử dụng năng lượng tái sinh mang một ý nghĩa quan trọng trong chiến lược an ninh quốc gia. Nhằm giảm thiểu thiếu hụt năng lượng quốc gia, Chính phủ khuyến khích người dân sử dụng năng lượng từ gió, mặt trời, đồng thời sử dụng năng lượng có nguồn gốc từ các phụ phẩm nông nghiệp như năng lượng mê-tan, năng lượng sinh vật. Các địa phương tích cực triển khai xây dựng mô hình huyện mẫu về năng lượng xanh, tăng nhanh thúc đẩy khai thác và sử dụng năng lượng tái sinh ở khu vực nông thôn.

Những nỗ lực của TQ trong việc tìm kiếm và khai thác các nguồn năng

lượng mới đang diễn ra phổ biến, nhưng hiệu quả mà các nguồn năng lượng này mang lại còn rất hạn chế. Trong hai hoặc ba thập niên đầu thế kỉ XXI, các nguồn năng lượng này chỉ góp một phần nhỏ trong bức tranh năng lượng chung của TQ.

3.1.3. Xây dựng các kho dự trữ dầu lửa chiến lược

Mức dự trữ dầu lửa chiến lược của TQ hiện nay chưa đạt yêu cầu so với quy định của Ủy ban năng lượng quốc tế, do đó việc xây dựng các kho dự trữ dầu lửa chiến lược cũng là biện pháp nhằm đảm bảo an ninh năng lượng ở TQ hiện nay. Năm 1993, TQ trở thành nước nhập khẩu dầu lửa trữ lượng lớn, Chính phủ TQ đã đưa ra phương án dự trữ dầu lửa chiến lược. Nhưng do điều kiện tài chính còn khó khăn nên kế hoạch này tạm thời bị gác lại. Năm 2004, khi các chiến lược năng lượng được Nhà nước hoạch định và Chính phủ phê duyệt với mức đầu tư trên 100 tỉ USD thì kế hoạch trên mới được tái khởi động. Việc dự trữ dầu mỏ của Chính phủ do cơ quan chủ quản về năng lượng Quốc vụ viện phụ trách tổ chức quản lý, đồng thời cơ quan này có trách nhiệm xây dựng chế độ kiểm tra, giám sát dự trữ dầu mỏ, quản lý giám sát đối với tình hình xây dựng dự trữ, luân chuyển của dự trữ năng lượng Chính phủ và dự trữ bắt buộc của doanh nghiệp. [1, tr.43]

Như vậy, việc xây dựng các kho dự trữ dầu lửa chiến lược được tiến hành song song với hoạt động đầu tư, thu mua ở nước ngoài của các công ti dầu lửa quốc gia. Nguồn cung cấp từ các công ti

do chính TQ tham gia kinh doanh, điều hành sẽ giảm rủi ro khi tình trạng khủng hoảng hoặc khan hiếm dầu lửa diễn ra và đảm bảo nguồn cung cho các kho dự trữ nêu trên.

3.1.4. Hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật về khai thác, sử dụng năng lượng

Từ năm 2004 đến nay, TQ liên tục ban hành các dự luật liên quan đến lĩnh vực năng lượng: luật than đá, luật điện lực, quy định tiết kiệm năng lượng... Trong các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực năng lượng, dự thảo Luật Năng lượng đang được các thành phần xã hội ở TQ quan tâm đặc biệt. Mức độ quan trọng của đạo luật này thể hiện bằng việc Chính phủ TQ tổ chức đợt trưng cầu ý kiến toàn dân kéo dài đến ngày 01-02-2008 với hình thức Ủy ban năng lượng quốc gia công bố rộng rãi toàn văn dự thảo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Người dân có thể đóng góp ý kiến qua tin nhắn, điện thoại, fax. Các đóng góp hiệu quả sẽ được nhà nước tiếp thu. Bộ luật bao gồm 15 chương nội dung, 140 điều. Với việc ban hành bộ luật này sau quá trình trưng cầu ý kiến toàn xã hội, Chính phủ TQ hi vọng sẽ đưa công tác năng lượng quốc gia vào nề nếp và ổn định.

3.2. Biện pháp tiến hành ngoài nước

3.2.1. Đa dạng hóa nguồn cung cấp năng lượng

Tình hình năng lượng thế giới những năm đầu thế kỉ XXI có sự biến động liên tục, TQ đã có kế hoạch đa dạng hóa các nguồn cung ứng dầu lửa nhằm tránh những bất trắc có thể xảy ra đối với an ninh năng lượng của mình. Chiến lược

năng lượng đối ngoại của TQ được thể hiện ở việc TQ thiết lập quan hệ hợp tác trên lĩnh vực năng lượng với các khu vực và quốc gia có tiềm năng về dự trữ năng lượng như: Trung Đông, Mĩ La-tinh, Châu Phi, Trung Á, Đông Nam Á và Nga. Trong cuộc họp về năng lượng tháng 6-2003 do Thủ tướng Ôn Gia Bảo chủ trì, Chính phủ TQ quyết tâm tìm kiếm năng lượng trên khắp thế giới để đảm bảo nhu cầu và đáp ứng đủ dầu cho đất nước phát triển kinh tế. [1, tr.48]

Đông Nam Á là khu vực có vị trí chiến lược đối với an ninh năng lượng của TQ trong những năm gần đây. Quan hệ hợp tác năng lượng giữa hai bên đã nâng lên tầm chiến lược. Tỷ lệ nhập khẩu dầu mỏ từ Đông Nam Á của TQ chiếm tỷ lệ 15%. Indonesia là nước xuất khẩu dầu nhiều nhất cho TQ, tiếp theo là Việt Nam, Thái Lan, Myanmar và Brunei. Ngoài ra, Đông Nam Á còn ảnh hưởng trực tiếp đến tuyến đường vận chuyển dầu lửa huyết mạch của TQ với 80% lượng dầu nhập khẩu qua khu vực này mỗi ngày. Eo biển Malacca trở thành khu vực địa chính trị quan trọng nhất đối với TQ. Tháng 2-2002, diễn đàn năng lượng TQ - Indonesia diễn ra tại Bali, bắt đầu cho hợp tác an ninh năng lượng song phương. Đến tháng 6-2004, TQ chính thức tham gia “Hội nghị bộ trưởng năng lượng 10+3” (gồm 10 nước ASEAN và TQ, Nhật Bản, Hàn Quốc) nhằm tăng hợp tác và điều hòa trên lĩnh vực năng lượng. Tại Hội nghị các nhà lãnh đạo TQ và ASEAN lần thứ 8, diễn ra vào tháng 11-2004, Thủ tướng TQ Ôn Gia Bảo kiến nghị thành lập cơ chế đối thoại cấp bộ

trường năng lượng giữa TQ và ASEAN. Nhưng hiện nay, quan hệ hợp tác năng lượng giữa TQ và ASEAN vẫn còn rào cản là vấn đề biển Đông, lợi ích chiến lược về dầu mỏ và vị trí quan trọng của vùng biển này chưa được giải quyết thỏa đáng. Tại Hội nghị cấp cao ASEAN 16 khai mạc ngày 8 tháng 4 năm 2010, các nhà lãnh đạo ASEAN đã kiến nghị TQ và ASEAN nên sớm tổ chức hội nghị về biển Đông nhằm tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ hợp tác năng lượng giữa hai bên.

Chính sách đa dạng hóa nguồn cung của TQ là bước đi kế tiếp của các chính sách an ninh năng lượng trong nước. Với chính sách này, TQ gần như có mặt ở tất cả các khu vực trên thế giới với danh nghĩa hợp tác kinh tế - chính trị - văn hóa. Trong và sau những cuộc gặp gỡ cấp cao, vấn đề mà TQ muốn và ưu tiên đề cập thảo luận là hợp tác về năng lượng. Thực chất của biện pháp đa dạng hóa nguồn cung cấp năng lượng là TQ đang triển khai chính sách “ngoại giao năng lượng”, tìm kiếm mọi nguồn cung cấp dầu lửa ổn định, bền vững và giảm đến mức tối thiểu các rủi ro do nguồn cung cấp năng lượng gây ra.

3.2.2. *Đảm bảo an ninh cho các tuyến vận chuyển dầu chiến lược*

Trước áp lực nhập khẩu nhiều dầu lửa để phục vụ cho sự phát triển kinh tế, TQ phải tăng cường nhập khẩu dầu mỏ nhưng rủi ro trong quá trình vận chuyển nguồn năng lượng này không hề thấp. Trên 90% lượng dầu nhập khẩu vào TQ là theo 2 tuyến đường chính:

- Từ Trung Đông – eo biển Hormuz – eo biển Malacca – eo biển Đài Loan –

TQ;

- Từ các nước Đông Nam Á – eo biển Malacca – eo biển Đài Loan – TQ.

Ngoại trừ lượng dầu mỏ ít ỏi nhập khẩu từ Nam Mỹ đi theo đường Thái Bình Dương, đa số dầu mỏ nhập khẩu đều đi qua hai khu vực “nhạy cảm” là eo biển Malacca và Đài Loan. Eo biển Malacca là nơi diễn ra 40% các vụ cướp biển trên thế giới, còn eo biển Đài Loan đang chịu chi phối bởi nhiều thế lực. Nếu như hai nơi này có những sự biến bất ngờ, nguồn dầu nhập khẩu lập tức bị gián đoạn, nói một cách hình ảnh, con đường vận chuyển qua hai eo biển này chính là “mạch máu” nuôi sống “cơ thể” của nền kinh tế TQ.

Nằm giữa bán đảo Malaya và đảo Sumatra, eo biển Malacca có một vị trí chiến lược đối với ngành hàng hải quốc tế, đây là cửa ngõ quan trọng nối liền Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Theo thống kê của Tổ chức Hàng hải quốc tế, gần 50% lượng dầu thô trên thế giới được vận chuyển thông qua eo biển quốc tế này và hàng ngày có khoảng 60% số tàu TQ di chuyển qua lại. Mỗi đe dọa đối với an ninh năng lượng của TQ là nạn cướp biển và ảnh hưởng của các nước lớn như Mỹ, Nhật trong việc chi phối khu vực Đông Nam Á. Những năm gần đây, Chính phủ TQ đã đầu tư để phát triển lực lượng hải quân, phục vụ công tác tuần tra an ninh cho eo biển này. TQ đã ký các hợp tác quân sự với Malaysia, Singapore và Indonesia xung quanh việc đảm bảo an ninh toàn diện cho các tuyến đường hàng hải qua eo biển Malacca.

4. Tác động của chính sách an ninh năng lượng Trung Quốc với vấn đề

tranh chấp chủ quyền ở biển Đông

Trong quá trình triển khai chính sách ngoại giao năng lượng nhằm phục vụ cho mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng trong nước, TQ luôn chú trọng vai trò của các nước Đông Nam Á và khu vực biển Đông. Xét về trữ lượng và nguồn cung thì khu vực này đứng sau Trung Đông, châu Phi, Mĩ La-tinh, Trung Á nhưng xét về mặt tổng thể thì khu vực Đông Nam Á có một vai trò hết sức quan trọng đối với an ninh năng lượng của TQ. Do đó, hiện nay, giữa TQ và một số nước Đông Nam Á² - trong đó có Việt Nam - diễn ra quá trình cạnh tranh trong khai thác nguồn lợi từ dầu mỏ và khí đốt. TQ bày tỏ thái độ quyết liệt khi đề cập đến vai trò của mình tại vùng lãnh hải này. TQ đơn phương tuyên bố 80% diện tích mặt biển thuộc về chủ quyền nước này. Nhân kỉ niệm 60 năm thành lập quân đội giải phóng Trung Hoa, TQ đã phô diễn sức mạnh hải quân trên biển Đông. Các hành động trên của TQ gây ra một phản ứng dây chuyền từ các nước láng giềng trong vùng biển này.

Để lí giải hành động trên, cần xem lại biển Đông đóng vai trò gì trong tổng thể chiến lược an ninh năng lượng của TQ.

Thứ nhất, ngoài dầu lửa thì khí thiên nhiên hiện nay là nguồn nhiên liệu loại hai của TQ, cộng với thế mạnh đây là nguồn nhiên liệu tương đối sạch, vì vậy, khí thiên nhiên có lợi hơn so với dầu lửa trong chính sách an ninh năng lượng. Thậm chí, trong thời điểm dầu lửa khủng hoảng, nếu dự trữ tốt loại nhiên liệu này thì cũng bổ sung được phần nào lượng

nguyên nhiên liệu thiếu hụt. Trong số các nước Đông Nam Á tại khu vực biển Đông thì Indonesia và Malaysia là hai quốc gia có trữ lượng khí thiên nhiên rất lớn, khoảng 2800 tỉ m³, do đó, việc nhập khẩu khối lượng khí đốt thiên nhiên từ Đông Nam Á và đầu tư thăm dò khai thác ở khu vực này rất có lợi cho an ninh dầu mỏ của TQ. [1, tr.52]

Thứ hai, tầm quan trọng của biển Đông đối với an ninh năng lượng TQ thể hiện ở các tuyến vận chuyển dầu lửa chiến lược qua khu vực này. Khoảng 85% nguồn nhập khẩu dầu mỏ của TQ bắt buộc phải đi qua eo biển Malacca. Trong khi đó, khu vực eo biển này lại thuộc quyền kiểm soát của lực lượng hải quân Mĩ. Những xung đột hay chiến tranh cục bộ tại khu vực này đều dẫn đến những bất ổn cho an ninh năng lượng và an ninh quốc gia của TQ. Việc đảm bảo thông thương và an toàn cho các tuyến vận chuyển năng lượng đã và đang trở thành mối quan tâm hàng đầu của nhà nhập khẩu năng lượng hàng đầu thế giới. Mặt khác, eo biển Malacca còn là tuyến đường di chuyển chủ yếu của hải quân Mĩ khi tiến vào Ấn Độ Dương, do đó bất cứ xung đột quân sự nào tại khu vực đều sẽ đe dọa lợi ích chiến lược của Mĩ. Quyền lợi tại biển Đông còn ảnh hưởng đến quan hệ giữa TQ và Mĩ trong những năm gần đây.

Ngoài vị trí chiến lược nêu trên, biển Đông còn nằm trong mục tiêu phát triển kinh tế biển của TQ những năm đầu thế kỉ XXI. Đại hội lần thứ 16 Đảng Cộng sản TQ đã đưa ra chiến lược phát triển biển của TQ trong những năm đầu

thế kỉ XXI với 2 bước cụ thể như sau:

- *Từ nay đến khoảng năm 2020*, thực hiện chiến lược phát triển biển ở khu vực ven biển miền Đông; tức chiến lược phát triển biển khu vực dưới sự chỉ đạo vĩ mô của Nhà nước, lấy các tỉnh (thành phố trực thuộc, khu tự trị) làm chủ thể, lấy tài nguyên biển làm đối tượng khai thác, lấy sáng tạo thể chế chế độ làm trọng điểm. Giai đoạn này vừa là giai đoạn thực hiện bước đầu chiến lược phát triển biển quốc gia, cũng là giai đoạn chuẩn bị thực hiện toàn diện chiến lược phát triển biển.

- *Từ năm 2020 đến giữa thế kỉ*, thực hiện toàn diện chiến lược phát triển biển, khai thác lợi dụng với quy mô lớn tài nguyên và năng lượng biển, tranh thủ đến giữa thế kỉ XXI, xây dựng TQ trở thành cường quốc kinh tế biển.

Chiến lược phát triển biển của TQ và thực trạng năng lượng TQ trong những năm gần đây là nguyên nhân chính khiến TQ đẩy mạnh quá trình tranh chấp chủ quyền biển Đông với các nước ở khu vực Đông Nam Á – trong đó có Việt Nam.

Trong quá trình tiến hành các hoạt động ngoại giao năng lượng với các khu vực cách trở về mặt địa lí như châu Phi, Mĩ La-tinh, TQ luôn bày tỏ thái độ với các chính sách minh bạch, rõ ràng. Nhưng với vấn đề biển Đông thì những hành động của TQ luôn thể hiện những làn sóng “ngầm” và rất khó đoán. Chính sách này có thể dùng câu thành ngữ của TQ để miêu tả là “*viễn giao, cận công*”. Cho nên, đến nay, vấn đề biển Đông vẫn được cộng đồng thế giới xem là vấn đề của riêng TQ và các nước liên quan.

Riêng Mĩ kiên quyết phản đối phương án dùng vũ lực để giải quyết tranh chấp và bất kì biện pháp giải quyết nào đạt được đều không nên ảnh hưởng đến tự do hàng hải ở toàn khu vực biển Đông. [5, tr.35]

Đối với Việt Nam, quốc gia có đường bờ biển dài 3200km, việc tranh chấp trên biển Đông - chủ yếu là chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa - có ảnh hưởng đặc biệt quan trọng. Có thể nói, những hành động của TQ tại khu vực biển Đông làm cho các nước liên quan rất khó đoán và sẽ đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi sự tham gia giải quyết của các bên trong tinh thần lợi ích chung và luật pháp quốc tế. Để xử lí vấn đề biển Đông, đòi hỏi các bên liên quan phải biết kiềm chế, thông qua đàm phán song phương lẫn đa phương và phải dựa trên nền tảng Công ước của Liên hiệp quốc về Luật biển 1982 để giải quyết tranh chấp. Nhưng thực tế cho thấy, những hành động của TQ tại biển Đông hiện nay lại diễn biến theo chiều hướng ngược lại:

Họ cho rằng tuyên bố chủ quyền của TQ đối với biển Đông là tham lam và thiếu cơ sở pháp lí, là “cường quyền lớn hơn pháp luật”, nếu TQ sử dụng sức mạnh quân sự để bảo vệ biển Đông thì càng chứng minh TQ đã phá hoại quy tắc quốc tế [2, tr.18].

5. Kết luận

Tóm lại, vấn đề biển Đông đang là vấn đề thử thách đối với TQ trong quá trình triển khai chính sách an ninh năng lượng. Tình hình biển Đông có thể giải quyết triệt để hay không, tranh chấp giữa TQ và các nước có được hòa giải, lợi ích dầu lửa và khí đốt có được phân phối

công bằng hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, mà quan trọng nhất là TQ cần có tiếng nói công bằng với tư cách là một nền kinh tế “đầu tàu” và là một nước ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

¹ Theo PGS Nguyễn Huy Quý - Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc từ “tiểu khang –小康” trong Hán ngữ cổ đại vừa có nghĩa là an nhàn, vừa có nghĩa là thịnh trị, vừa có nghĩa là sung túc, tất cả ở mức tương đối khá, nhưng chưa đạt đến mức cao. Ví dụ: xã hội thời Chu Công được miêu tả là “tiểu khang” nhưng chưa đạt đến mức “đại đồng”. Diễn đạt theo ngôn ngữ hiện đại thì bao hàm tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa đạt ở mức độ khá.

² Các nước liên quan đến vấn đề biển Đông là Philippine, Brunei, Malaysia, Indonesia và Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tấn xã Việt Nam (2004), “Trung Quốc khát dầu mỏ”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, (7).
2. Thông tấn xã Việt Nam (2004), “Quyền lực trên biển và an ninh dầu mỏ của Trung Quốc”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 28-7-2004.
3. Thông tấn xã Việt Nam (2007), “Các vấn đề quốc tế”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, tháng 4-2007.
4. Thông tấn xã Việt Nam (2008), “Chính sách năng lượng của Trung Quốc”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, tháng 01-2008.
5. Thông tấn xã Việt Nam (2008), “Trung Quốc và vấn đề biển Đông”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, tháng 3-2008.
6. Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc – Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (2003), *Những vấn đề lí luận của Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Information Office of the State Council of the People’s Republic of China (2007), *China’s Energy Conditions and Policies*, Beijing.
8. Joseph Y.S.Cheng (2008), *A Chinese View of China’s energy security*, Routledge Publisher.
9. 陈述 (2009) , *中华人民共和国-60年* , 中共党史出版社 , 北京。
10. 陈凤英 (2005) , *全球能源大棋局* , 时事出版社 , 北京。
11. 黄进 (2008) , *中国能源安全问题研究* , 武汉大学出版社 , 湖北
12. 徐运 (2006) , *谁能驱动中国-世界能源危机和中国方略* , 人民出版社。

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 19-4-2013; ngày phản biện đánh giá: 13-5-2013;
ngày chấp nhận đăng: 21-5-2013)